

Mã môn học/mô-đun	Tên môn học, mô-đun	Năm học	Học kỳ	Thời gian của môn học, mô-đun (giờ)		
				Tổng số	Trong đó	
					Lý thuyết	Thực hành
I	Các môn học chung			210	165	45
MH- 01	Chính trị	1	1	30	30	
MH- 02	Pháp luật	1	2	15	15	
MH- 03	Giáo dục thể chất	1	1	30	30	
MH- 04	Giáo dục quốc phòng	1	1	45		45
MH- 05	Tin học	1	2	30	30	
MH- 06	Ngoại ngữ	1	1	60	60	
II	Các môn học, mô-đun đào tạo nghề			1200	290	910
MH- 07	Vẽ kỹ thuật	1	1	30	30	
MH- 08	Điện kỹ thuật	1	1	30	30	
MH- 09	Vật liệu cơ khí- nhiên liệu	1	1	20	20	
MH-11	Tổ chức sản xuất- ATLĐ- BHXH	1	1	15	15	
MH-12	Động cơ đốt trong	1	1	60	60	
MH-13	Hệ thống truyền lực thiết bị công tác	1	1	70	70	
MH-14	Điện máy ủi	1	1	20	20	
MH-15	Lý thuyết BDSC	1	2	20	20	
MH-16	Kỹ thuật thi công	1	2	25	25	
MTH-15	Thực tập bảo dưỡng sửa chữa	2	2			35
MTH-16	Thực tập cơ bản nghề	2	2			805
MTH-17	Thực hành chuyên sâu	2	2			70
Tổng cộng				1410	455	955